

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DI LINH – TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/DS-ST

Ngày 08 - 7 - 2020

V/v tranh chấp hợp đồng  
dân sự mua bán tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH – TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Sỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đào Duy Trâm, bà Lê Thị Chung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện VKSND huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 219/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2020/QĐ0ST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2020, giữa:

**- Nguyên đơn:** Ông Hoàng Văn T; địa chỉ: thôn A, xã Đ, huyện D, tỉnh L. Có mặt.

**- Bị đơn:** Ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị D; địa chỉ: thôn B, xã T, huyện D, tỉnh L. Vắng mặt.

**NỘI D VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ghi ngày 22/10/2019 và lời khai của ông Hoàng Văn T trong quá trình tố tụng có nội dung:*

Trong năm 2015 và năm 2016, ông T nhiều lần bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, gạo cho vợ chồng ông Đ, bà D theo phương thức chậm trả. Đến ngày

01/01/2016, bà D và ông Đ ký vào sổ của ông T xác nhận còn nợ 195.584.000 đồng, hẹn trong tháng 2 năm 2016 sẽ trả hết nợ. Tuy nhiên đến tháng 12 năm 2016 bà D và ông Đ chỉ trả được 70.000.000 đồng. Vì vậy, ông T làm đơn yêu cầu UBND xã T hòa giải, tại biên bản hòa giải do UBND xã T lập ngày 28/4/2017, bà D, ông Đ đã thừa nhận còn nợ ông T là 125.584.000 đồng, cam kết ngày 30/12/2017 trả 25.000.000 đồng; ngày 30/12/2018 trả 30.000.000 đồng; ngày 30/12/2019 trả 40.000.000 đồng; ngày 30/12/2020 trả 30.000.000 đồng nhưng tiếp tục khát nợ nhiều lần mà không trả nợ. Vì vậy, đến ngày 22/10/2019 ông T làm đơn khởi kiện yêu cầu bà D, ông Đ trả số tiền nợ 125.584.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán theo mức 2%/tháng tính từ ngày 01/3/2016 đến nay.

Tại phiên tòa, ông T thay đổi nội D yêu cầu về tiền lãi, yêu cầu bà D, ông Đ trả khoản nợ 125.584.000 đồng và tiền lãi mức 10%/năm tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán 01/3/2016 đến ngày 15/6/2020 là 53.896.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu giải quyết vấn đề nào khác.

Chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là 02 tài liệu viết tay cắt ra từ sổ ghi chép việc mua bán có chữ ký xác nhận của bà D, ông Đ. Biên bản hòa giải do UBND xã T lập ngày 28/4/2017.

*Về phía bị đơn bà Nguyễn Thị D, ông Lê Văn Đ đã được Tòa án thông báo, triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có lời khai.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D xác định Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn trả cho nguyên đơn khoản nợ 125.584.000 đồng và 53.896.000 đồng nợ lãi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, của đại diện Viện kiểm sát và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, đã nhiều lần được thông báo, triệu tập họp lệ nhưng bị đơn ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị D không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của ông T và đều vắng mặt không có lý do. Quá trình chuẩn bị xét xử, mặc dù đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng ông Đ và bà D vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà

không có lý do. Cần căn cứ tài liệu, chứng cứ đã thu thập và quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

[2] Theo tài liệu bản chính văn bản viết tay không ghi tiêu đề do ông T giao nộp có nội dung: “1/1/2016 chủ thím Đ nợ tiền T TC 195.584.000 Hẹn tháng 2 trả đủ. Bên dưới có chữ viết tay ghi họ tên là “Nguyễn Thị D” và “Lê Văn Đ”. Tại Biên bản hòa giải do UBND xã T lập ngày 28/4/2017, ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị D đã ký biên bản công nhận mới trả cho ông T được 70.000.000 đồng nên còn nợ 125.584.000 đồng, cam kết ngày 30/12/2017 trả 25.000.000 đồng, ngày 30/12/2018 trả 30.000.000 đồng, ngày 30/12/2019 trả 40.000.000 đồng, ngày 30/12/2020 trả 30.000.000 đồng. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu bà D và ông Đ trả số tiền nợ 125.584.000 đồng cùng tiền lãi theo mức 10%/năm tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán 01/3/2016 đến 15/6/2020 là 53.896.000 đồng là có căn cứ pháp luật. Cần áp dụng các Điều 357, 430, 433, 440 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Buộc bà D, ông Đ trả cho ông T số tiền 179.480.000 đồng (gồm 125.584.000 đồng nợ gốc và 53.896.000 đồng nợ lãi) như ông T yêu cầu là có căn cứ.

[3] Về án phí: Bà D và ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán với số tiền án phí là:  $179.480.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.974.000 \text{ đồng}$ .

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 144, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 430, 433, 440 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn T về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Buộc bà Nguyễn Thị D và ông Lê Văn Đ phải trả cho ông Hoàng Văn T số tiền 179.480.000 đồng (một trăm bảy mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Buộc bà Nguyễn Thị D và ông Lê Văn Đ phải chịu 8.974.000 đồng (tám triệu, chín trăm bảy mươi tư nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Hoàng Văn T 5.260.000 đồng (năm triệu, hai trăm sáu mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số AA/2016/0014543 ngày 20/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D.

3. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh LĐ;
- VKSND huyện Di Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Sỹ**